

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2019/TLST- KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N (Techcombank); địa chỉ: Số 191 phố Bà Tr, phường Lê Đại H, Quận Hai Bà Tr, thành phố Hà N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thanh B, chức vụ: Giám đốc xử lý nợ thuộc khối quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương V N (Theo quyết định ủy quyền số 1219/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

- Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Thanh B, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: Tầng 3, số 136 đường Trần Ph, phường Hải Ch, quận Hải Ch, thành phố Đà N(Theo giấy ủy quyền số 196/2019/UQ-TCB ngày 18/3/2019);

* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1991; Cùng cư trú tại: Số 29/24 đường Lê Thánh T, phường Thuận Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1952; Cùng cư trú tại: Số 29/24 đường Lê Thánh T, phường Thuận Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về số tiền nợ: Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số BNU201445/14/HĐTD ngày 12/9/2014; hợp đồng tín dụng số HUE20160592/HĐTD ngày 06/5/2016 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HUE20171255/HĐTD ngày 05/10/2017 giữa ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Anh T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N; tính đến ngày 24/6/2019 thì ông D, bà T còn nợ và phải chịu trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N số tiền là 328.602.578 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 294.495.493 đồng (Hai trăm chín mươi tư triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), lãi trong hạn là 6.883.163 đồng (Sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 27.223.922 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

b. Về phương thức và thời gian thanh toán trả nợ: Ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị Anh T có trách nhiệm phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N tổng tiền nợ gốc, lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 328.602.578 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), thành 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 24/7/2019 ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị Anh T thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Lần 2: Ngày 24/8/2019 ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị Anh T thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương VN số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 24/9/2019 ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị Anh T thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương VN toàn bộ số tiền còn lại là 128.602.578 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 25/6/2019 ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

c. Về xử lý tài sản thế chấp bảo đảm: Trong trường hợp Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Anh T vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N có quyền yêu cầu Chi cục thi thành án dân sự thành phố Huế xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số H28, tờ bản đồ KQH, diện tích 160m², tọa lạc tại: khu quy hoạch Bắc Hương Sơ giai đoạn 3, phường An H, thành phố H theo giấy chứng nhận QSDĐ số AN 871252 do UBND thành phố H cấp ngày 18/11/2008 cho ông Nguyễn Ba, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Th và bà Lê Thị Kim A ngày 05/10/2010 theo hợp đồng thế chấp tài sản số BNU201445/14/HĐTC ngày 12/9/2014 tại phòng công chứng An Phú Gia được ký kết giữa ông Nguyễn Hữu Th và bà Lê Thị Kim A với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương VN;

hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp lần 1 ngày 04/02/2015 tại phòng công chứng An Phú Gia được ký kết giữa ông Nguyễn Hữu Th và bà Lê Thị Kim A với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương VN; hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp lần 2 ngày 29/02/2016 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp lần 3 ngày 09/5/2016 tại phòng công chứng An Phú Gia được ký kết giữa ông Nguyễn Hữu Th và bà Lê Thị Kim A với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N, theo quy định của pháp luật.

d. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương VN tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ số tiền 1.400.000 đồng.

đ. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do hòa giải thành nên án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: $(328.602.578 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 8.215.064 \text{ đồng}$ (Tám triệu hai trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tư đồng)

Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N và ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị Anh T tự nguyện thỏa thuận ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu toàn bộ án phí là 8.215.064 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại đã nộp là 7.689.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương V N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2013/007868 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh